

### MỘT SỐ THUẬT NGỮ NHÂN LOẠI HỌC VĂN HÓA

#### TRẺ EM (*child, childhood*)

Trẻ em là từ dùng để chỉ *giai đoạn* trước khi trở thành người trưởng thành hay người lớn hoặc *con người* trong giai đoạn phát triển này. Trong cách tiếp cận dưới góc độ khoa học xã hội và nhân văn đối với (thời kỳ) trẻ em cần lưu ý tới tính tương đối văn hóa (M.Mead) và tính tương đối lịch sử (P.Ariés) liên quan đến khái niệm (thời kỳ) trẻ em. Về những nghiên cứu trong lĩnh vực này của nhân loại học văn hóa, thêm vào những nghiên cứu đã có từ trước đến nay về quá trình trưởng thành và phát triển (còn được gọi là quá trình văn hóa hóa), về các biểu tượng văn hóa liên quan đến trẻ em, gần đây xuất hiện nhiều nghiên cứu thực tiễn tập trung vào bối cảnh của quá trình trưởng thành của trẻ em (nhất là ở các nước đang phát triển) ở *địa phương* - liên quan đến các mặt giáo dục, phúc lợi, sức khỏe - nhưng được đặt trong bối cảnh rộng lớn hơn, đó là cơ cấu chính trị, kinh tế *toàn cầu*.

#### Quan điểm về trẻ em

Học thuyết và biểu tượng về bản tính (*nature*) trẻ em không chỉ là cơ sở hình thành quan điểm về trẻ em trong xã hội để người lớn tham chiếu trong nuôi dạy và giáo dục trẻ mà còn là cơ sở hình thành nên khung nghiên cứu (*paradigm*) diễn giải trong những nghiên cứu về quá trình trưởng thành, phát triển cũng như nghiên cứu về giáo dục trẻ em. Theo nhà nhân loại học H.B.Schwartzman, học thuyết về giáo dục và khoa học về bản tính trẻ em triển khai với tiền đề phép ẩn dụ triệt để (được V.W.Turner gọi là “*root-metapher*”) đã hình thành *paradigm* nghiên cứu trẻ em tập trung ở khu vực Âu Mỹ. Từ quan điểm này, có thể thấy rằng, phép ẩn dụ “*tờ giấy trắng*” trong luận thuyết “*tabula rasa*” của Locke đã sinh ra quan điểm về trẻ em như là trạng thái khả năng (*dynamis*) chấp nhận tính linh hoạt, dễ uốn nắn (*plasticity*) vô hạn của trẻ em, hơn nữa, quan điểm này sau đó còn được tiếp thu trong tư tưởng giáo dục của J.Dewey.

Ngoài ra, từ học thuyết “*con người tự nhiên*” của J.J.Rousseau cũng hình thành quan điểm về trẻ em theo chủ nghĩa lãng mạn với tiền đề bao hàm linh hồn tự nhiên trong sạch với phép ẩn dụ về sự trong trắng. Bước vào thế kỷ XX, từ những nghiên cứu phân tích thần kinh, tâm lý lâm sàng của S.Freud, J.Piaget đã xuất hiện phép ẩn dụ về “*phát triển*”, quan điểm trẻ em với tiền đề là sự di chuyển mang tính giai đoạn từ trẻ con sang người lớn đã cung cấp khung nghiên cứu cơ bản cho những nghiên cứu khoa học về (thời kỳ) trẻ em trong đó có cả nghiên cứu nhân loại học. Các quan điểm trẻ em mang tính phổ biến như quan điểm về trẻ em trong các dân tộc chỉ được rút ra từ bối cảnh địa phương phi Tây Âu và quan điểm trẻ em ý thức mạnh mẽ về môi trường thông tin điện tử hiện đại (*media-kids*) hoặc quan điểm trẻ em như là những kẻ gây hấn, dị nhân (*trickster*) chống lại xã hội và trật tự của người lớn... đều cung cấp không gian rộng rãi cho các nghiên cứu về biểu tượng văn hóa của trẻ em.

## **Giáo dục và Nhân loại học (Nhân loại học giáo dục)**

Trước đây, trong cách tiếp cận nhân loại học về bản tính trẻ em hay giáo dục theo nghĩa rộng, chủ yếu chỉ có trường phái “Văn hóa và Nhân cách” hay lĩnh vực Nhân loại học Tâm lý đặt ra vấn đề làm sáng tỏ quá trình hình thành nhân cách của trẻ em và các yếu tố xã hội, yếu tố văn hóa trong quá trình đó, với cơ sở tiền đề là mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Ngày nay, các nghiên cứu nhân loại học về (thời kỳ) trẻ em được triển khai trong khuôn khổ ý thức mạnh mẽ về tính đa dạng của văn hóa, tính bối cảnh văn hóa và tính đa văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu trong lĩnh vực này được triển khai trên cơ sở ý thức vấn đề rất phong phú như nghiên cứu quá trình văn hóa hóa theo khoa học nhận thức và tâm lý học trong bối cảnh nhà trường, gia đình, xã hội khu vực, nghiên cứu quá trình hình thành nhân cách thông qua văn hóa hóa, nghiên cứu hiện tượng giáo dục triển khai trong bối cảnh đa văn hóa, hoặc nghiên cứu dân tộc chí về “học tập tình huống” (situated learning).

Có thể nêu ra một đặc điểm của nghiên cứu nhân loại học về trẻ em từ những năm 80 trở lại đây là mối quan tâm ngày càng cao đối với học thuyết mang tính chính trị liên quan đến trẻ em và vấn đề phúc lợi trẻ em, gắn kết với ý thức vấn đề về phát triển, giới, và nhân quyền. Trong sự biến đổi chóng mặt của quá trình toàn cầu hóa và quá trình phát triển, môi trường sống của trẻ em ở các nước đang phát triển phải đối mặt với nhiều vấn đề, khó có thể nói là thuận lợi cho sức khỏe và phát triển, trưởng thành của trẻ. Các vấn đề như HIV/AIDS, sinh con lựa chọn giới tính, lao động trẻ em, trẻ em đường phố... là những vấn đề khá phổ biến trong xã hội khu vực nơi trẻ em đang sống. Vấn đề đặt ra cho nghiên cứu nhân loại học về trẻ em và giáo dục trẻ em hiện nay là phải thực hiện được vai trò làm sáng tỏ bối cảnh nhân loại học của những vấn đề này.

## **TUỔI GIÀ (ageing, aging)**

Tuổi già là giai đoạn và trạng huống của giai đoạn nửa sau cuộc đời mà bất cứ ai sống lâu cũng đều phải trải qua. Trong lịch sử nhân loại, tuổi già đôi khi được hiểu theo nghĩa phủ định, có khi còn bị gắn kết với bệnh tật và cái chết. Ngược lại, có xã hội lại gắn giai đoạn tuổi già với vị trí xã hội cao và quyền lực như trong xã hội “genrontocratic” người già có vị trí thống trị.

Một cách phổ biến, tuổi già xuất hiện ở nửa sau cuộc đời đem lại cho con người những biến đổi đa dạng trong cơ thể và sinh lý, nhưng quá trình này lại mang tính đặc thù rất khác nhau tùy vào từng nền văn hóa. Tuy nhiên, phạm trù người già, theo như R.Linton trình bày trong những tác phẩm kinh điển của mình thì tồn tại phổ biến trong mọi nền văn hóa. Tức là, cho dù không có sự phân chia thành giai đoạn thanh xuân, trung niên và cao tuổi (như Việt Nam hay các nước khác) thì sự tồn tại của 3 giai đoạn “trẻ em”, “người lớn” và “người già” là phổ biến trong mọi nền văn hóa.

## **Sự phân biệt một cách văn hóa về người già**

Tùy từng nền văn hóa, từng thời đại mà sự phân chia thế nào là, hoặc khi nào thì

được gọi là “tuổi già” hoặc “người già” rất khác nhau. Ví dụ tộc người Ketyua trong vùng núi Andes quan niệm rằng con người bước vào tuổi già hoặc được coi là người già khi họ mất đi 2 khả năng: 1) thể lực có thể mang vác đồ nặng leo núi và 2) thị lực có thể đi lại trong rừng vào ban đêm chỉ nhờ ánh sáng của vầng trăng và các vì sao.

Tộc người Mai trên bán đảo Mã Lai thì quan niệm rằng, con người, cả nam và nữ, được coi là già khi họ mất khả năng sinh thực. Trong các quan niệm dân gian về tuổi già cũng có nhiều quy định rất khác nhau, ví dụ khi người ta muốn lên núi ở ẩn, hoặc ở vùng ngư nghiệp khi ngư dân không thể đi đánh cá bằng thuyền to hoặc không còn tham gia được những chuyến đi đánh bắt xa, quy mô lớn. Trong thời hiện đại, đường phân chia ranh giới bước vào tuổi già có thể trở nên rõ rệt hơn đối với người đi làm theo cơ chế tổ chức có chế độ “nghỉ hưu”.

### **Nhân loại học văn hóa và nghiên cứu tuổi già**

So với các khoa học xã hội khác như Xã hội học, Tâm lý học hay Kinh tế học, Nhân loại học Văn hóa có phần chậm chân hơn trong việc tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu tuổi già, người già. Các nhà nhân loại học trong các chuyến đi điền dã thường có xu hướng coi những người cung cấp thông tin đáng tin cậy là những người già hiểu biết, có nhiều kinh nghiệm và tri thức. Nếu vậy, ở đó có thể chấp nhận sự khác biệt trong thái độ đối với tuổi già của họ. Có một lý do là, ở những nơi điền dã này “hầu như không có người già cũng như những vấn đề của người già” theo quan niệm Tây Âu. Thêm vào đó các nhà nhân loại học trưởng thành và được đào tạo theo văn hóa Tây Âu thường mang quan niệm rất máy móc rằng người già thì cô độc và không có vai trò nên cũng thường có lối suy nghĩ tiêu cực đối với người già.

### **Văn hóa tuổi già**

Trong các nghiên cứu điều tra được tiến hành bằng phương pháp nhân loại học văn hóa, có thể chia làm hai lĩnh vực chủ yếu trong nghiên cứu “văn hóa tuổi già”: Một là nghiên cứu tuổi già và cơ cấu giá trị và hai là nghiên cứu tuổi già và sự chăm sóc người già.

Trong lĩnh vực thứ nhất, các nhà nhân loại học như M.Lark và B.Anderson cho rằng, trong xã hội đô thị Mỹ hiện đại, để thích ứng tốt với cuộc sống khi về già cần phải có những thao tác như giảm bớt hẳn ý chí, quan điểm giá trị và mục tiêu cuộc đời thời thanh niên và tráng niên liên quan đến sản xuất, lao động và tuổi trẻ, giảm bớt một phần lượng công việc và trách nhiệm. Hơn nữa, các tác giả này cũng cho rằng, trong xã hội Mỹ, cơ cấu giá trị (văn hóa tuổi già) đặc trưng cho lớp người già khác với giá trị trung tâm của xã hội.

Trong lĩnh vực thứ hai, nhà nhân loại học S.van der Geest cho rằng, từ tình trạng nữ giới đảm nhận trách nhiệm chăm sóc bố mẹ cao tuổi ở Gana theo chế độ xã hội mẫu hệ, có thể thấy rằng cơ sở của chăm sóc người già là sự tôn kính đối với bố mẹ. Tức là con người khi còn trẻ làm việc nhiều, hết lòng chăm sóc con cái và giúp đỡ những người khác, khi về già được chăm sóc chu đáo như được trả ơn, và nguyên nhân quyết định đối với nội dung chăm sóc khi về già là sự tốt xấu trong hành vi của quá khứ hơn là mối dây liên hệ giữa cha mẹ và con cái.